

ĐỊNH HƯỚNG THU HÚT, QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG NGUỒN VỐN ODA VÀ CÁC NGUỒN VỐN VAY ƯU ĐÃI KHÁC CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ VÀ VIỆN TRỢ PHI CHÍNH PHỦ NƯỚC NGOÀI THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN GIAI ĐOẠN 2016-2020 (ĐỀ ÁN ODA 2016-2020) ¹

Phạm vi của tóm lược Chính sách này tập trung khuyến nghị các chính sách trong khuôn khổ Đề án ODA 2016-2020 về: Định hướng thu hút, quản lý và sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) (viện trợ không hoàn lại và vốn vay ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ song phương và đa phương và viện trợ của các Tổ chức phi Chính phủ nước ngoài (PCPNN) để hỗ trợ phát triển các lĩnh vực của ngành nông nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của Bộ trong giai đoạn 2016-2020 được Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT phê duyệt tại Quyết định số 5776/QĐ-BNN-HTQT ngày 31/12/2014.

NỘI DUNG:

- I. Tình hình thu hút, quản lý sử dụng ODA, vay ưu đãi và viện trợ trợ PCPNN**
- II. Bài học kinh nghiệm trong thu hút, sử dụng nguồn vốn viện trợ**
- III. Định hướng thu hút, quản lý và sử dụng ODA, vay ưu đãi và viện trợ PCPNN**



Công trình đập Thủy điện Dầu Tiếng

¹ Toàn văn Đề án “Định hướng thu hút, quản lý và sử dụng nguồn vốn ODA, các nguồn vốn vay ưu đãi khác của các nhà tài trợ và viện trợ PCPNN thuộc thẩm quyền Nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giai đoạn 2016-2020”, ban hành kèm theo quyết định số 5776/QĐ-BNN-HTQT ngày 31/12/2014, của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT được đăng tải trên trang <http://isgmard.gov.vn>.

I. TÌNH HÌNH THU HÚT, QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG NGUỒN VỐN ODA VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ VÀ VIỆN TRỢ PCPNN TRONG GIAI ĐOẠN 2011-2015

1. Thu hút và sử dụng viện trợ

Bảng 1: Tỷ trọng vốn ODA và vay ưu đãi của các nhà tài trợ chủ chốt trong các lĩnh vực nông nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giai đoạn 2011- 2015

	Các nhà tài trợ	Tổng vốn (%)	ODA/ vay ưu đãi (%)	Vốn đối ứng (%)
1	Nhà tài trợ chủ chốt	>96		
	1. Ngân hàng Thế giới (WB) (*)	32,54	32,16	35,94
	2. Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) (*)	32,60	32,28	35,94
	3. Nhật Bản (JICA) (*)	20,70	20,45	22,90
	4. Đan Mạch(Danida)	3,50	3,96	0,07
	5. CHLB Đức (GIZ)	2,89	2,78	3,76
	6. Na Uy	2,40	2,67	0,37
	7. Mỹ (USAID)	1,48	1,63	0,33
	8. FAO/UNDP	0,64	0,61	0,93
2	Các nhà tài trợ khác	3,26	3,45	1,83
	Tổng số	100	100	100

Trong số các nhà tài trợ giúp ngành nông nghiệp Việt Nam trong giai đoạn 2011-2015, ba nhà tài trợ có tỷ trọng vốn cao gồm Ngân hàng Thế giới, Ngân hàng Phát triển Châu Á, Cơ quan Hợp tác Quốc Tế Nhật Bản (JICA), chiếm trên 85%.

Trong gần 20 năm qua (1993-2012), Chính phủ Việt Nam và các nhà tài trợ đã ưu tiên sử dụng nguồn vốn ODA để hỗ trợ ngành nông nghiệp với số vốn được ký kết đạt 8,85 tỷ USD, trong đó các chương trình và dự án do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trực tiếp quản lý có tổng vốn ODA hơn 5,48 tỷ USD. Riêng trong 5 năm 2011-2015, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trực tiếp quản lý và thực hiện khoảng 100 chương trình, dự án ODA với tổng số vốn đạt 2,7 tỷ USD, bằng khoảng 50% tổng vốn ODA do Bộ quản lý trong cả giai đoạn 1993-2012, trong đó viện trợ không hoàn lại chiếm 17,06 %, còn lại 82,94% là vốn vay ODA và vay ưu đãi.

Viện trợ không hoàn lại trong ngành nông nghiệp duy trì trong nhiều năm với tỷ lệ cao, chỉ sau ngành Y tế , Giáo dục và Đào tạo. Đây là một thuận lợi, đồng thời cũng là một thách thức vì nguồn vốn này đang giảm mạnh trong bối cảnh Việt Nam đã trở thành nước thu nhập trung bình. Do vậy cần có những chính sách và giải pháp kịp thời điều chỉnh phân bổ nguồn vốn đầu tư phát triển đối với các lĩnh vực lâu nay sử dụng nhiều vốn ODA không hoàn lại.

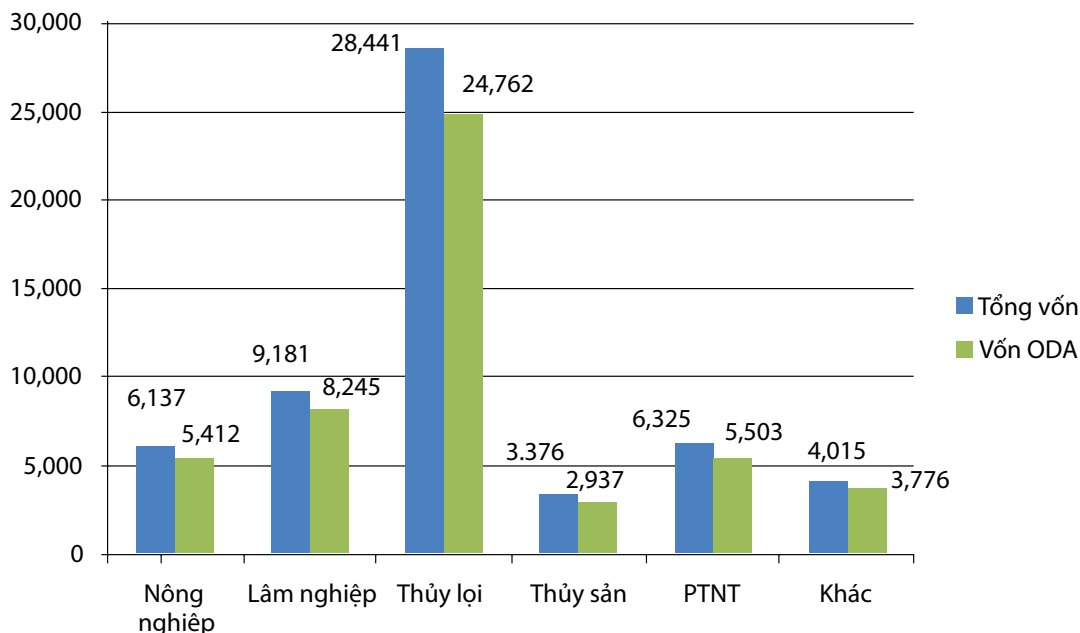
Bảng 2: Nguồn và cơ cấu vốn ODA theo các lĩnh vực qua các thời kỳ (1993-2013)

Triệu USD

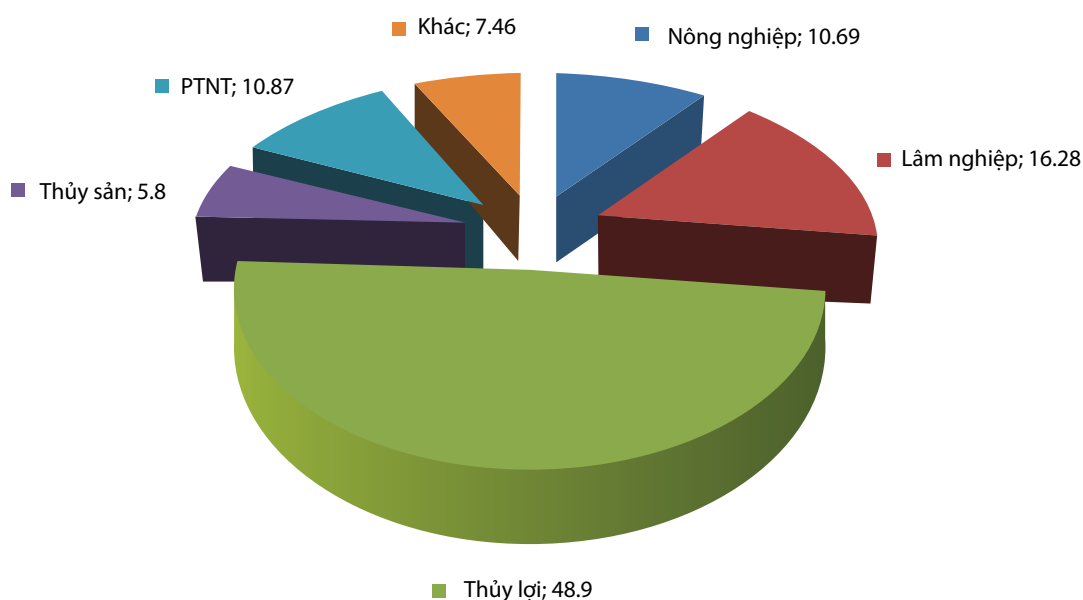
Giai đoạn	Lâm nghiệp		Nông nghiệp		Thủy lợi		Thủy sản		PTNT		Tổng số
	ODA	%	ODA	%	ODA	%	ODA	%	ODA	%	
1993-1995	141	22	98	15	326	50	86	13	0,3	-	653
1996-2000	276	31	239	27	134	15	65	7	162	19	879
2001-2005	231	15	245	16	821	54	60	4	155	10	1515
2006-2008	122	12	341	34	343	34	1,2	-	190	19	999
2009-2013	42	3	216	15	852	59	2,3	-	328	23	1441
Tổng số	815	15	1.140	21	2.478	45	216	4	837	15	5.487

Hình 1: Vốn ODA và vốn đối ứng theo lĩnh vực giai đoạn 2011-2015

Đơn vị tính: Triệu VNĐ



Hình 2: Cơ cấu vốn ODA (%) theo lĩnh vực giai đoạn 2011-2015

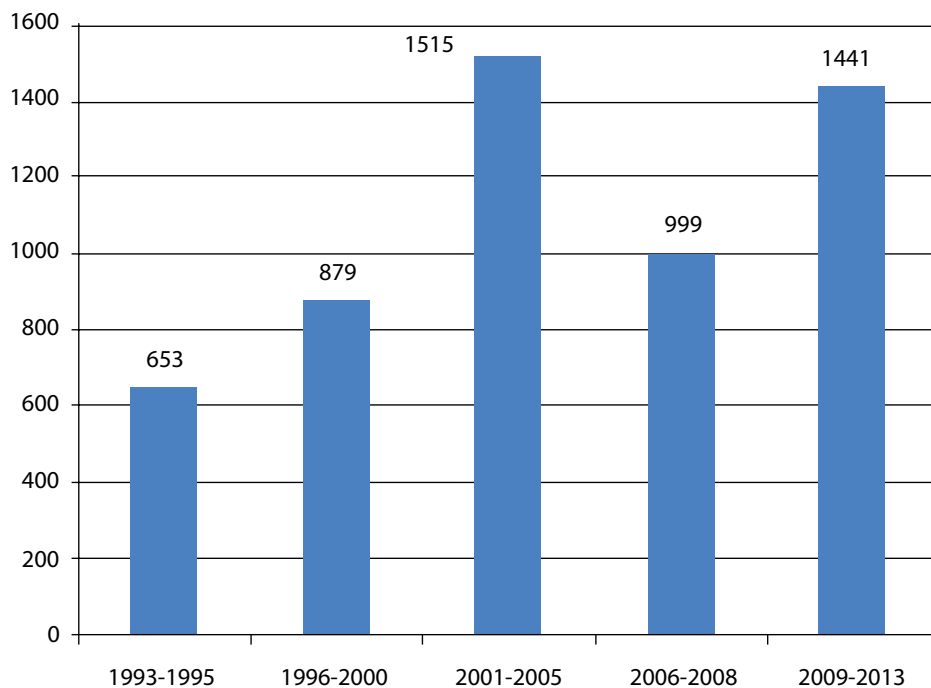


Trong tổng số vốn ODA thì ngành thủy lợi chiếm tỷ lệ cao nhất với 49,48%, tiếp theo là ngành lâm nghiệp (16%), phát triển nông thôn (10%), nông nghiệp (10%) và ít nhất là thủy sản với chỉ hơn 5%, các lĩnh vực khác 7 % bao gồm ứng phó với biến đổi khí hậu, nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn, an toàn thực phẩm, hỗ trợ xây dựng chính sách, phát triển thể chế, cải cách hành chính và tăng cường năng lực con người.

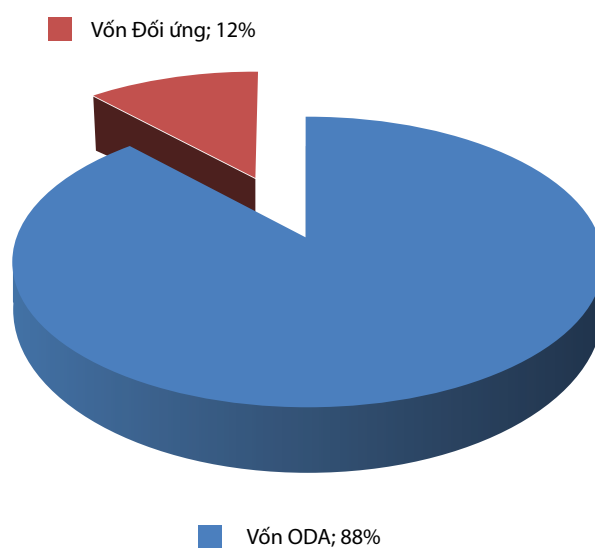
Cơ cấu vốn ODA vay ưu đãi và vốn đối ứng của Việt Nam

Hình 3: Nguồn vốn ODA vay ưu đãi do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý trong giai đoạn 1993-2013

Đơn vị tính: Tỷ VNĐ



Hình 4: Cơ cấu vốn ODA và vốn đối ứng trong giai đoạn 2011-2015



Tỷ lệ vốn đối ứng trong các chương trình và dự án trong các lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn tương đối thấp (khoảng 10%) so với các ngành khác. Đây là một thuận lợi cho các chương trình và dự án của Bộ Nông nghiệp và PTNT quản lý và triển khai.

2. Thu hút và sử dụng viện trợ PCPNN

Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là một trong những lĩnh vực sớm nhận được sự hỗ trợ từ các Tổ chức PCPNN đi từ viện trợ nhân đạo trong thời kỳ đầu để cứu trợ người dân trong những trường hợp thiên tai, bão lụt chuyển dần sang các dự án phát triển để hỗ trợ giảm nghèo bền vững ở các vùng nông thôn, miền núi, vùng đồng bào dân tộc.

Ước tính trong giai đoạn 2011-2015, các Tổ chức PCPNN đã cung cấp khoảng 120 dự án cho các lĩnh vực nông nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn với tổng giá trị khoảng 20 triệu USD.

Tuy quy mô nguồn vốn viện trợ PCPNN không lớn, song những dự án PCPNN đã hỗ trợ thiết thực và trực tiếp cho những nỗ lực của Chính phủ và bản thân người nghèo ở nông thôn và miền núi vươn lên thoát nghèo và có đời sống sung túc hơn thông qua hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn quy mô nhỏ (nước, đường,



trường, trạm, chợ nông thôn, thủy lợi nhỏ, ...), các chương trình, dự án khuyến nông, lâm ngư và tạo lập sinh kế bền vững, nâng cao nhận thức môi trường, phòng chống và giảm nhẹ thảm họa thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh.

3. Quản lý ODA, vay ưu đãi và viện trợ PCPNN

ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ là nguồn vốn thuộc ngân sách nhà nước. Do vậy Bộ Nông nghiệp và PTNT coi trọng công tác quản lý nguồn vốn vay để phục vụ thực hiện các nhiệm vụ chính trị của Bộ trong từng giai đoạn phát triển.

Trên cơ sở các Nghị định của Chính phủ về quản lý và sử dụng nguồn vốn ODA, vay ưu đãi và viện trợ PCPNN và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan, Bộ đã chủ động xây dựng và ban hành các Thông tư về quản lý và sử dụng ODA vay ưu đãi và viện trợ PCPNN thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của Bộ như Thông tư 49/2009/TT-BNNPTNT về quản lý và sử dụng nguồn vốn ODA trong quản lý dự án Nông nghiệp và phát triển nông thôn.

Để phù hợp với tình hình thu hút và sử dụng ODA, vay ưu đãi và viện trợ PCPNN trong thời kỳ phát triển mới, Bộ đang chỉ đạo xây dựng một Thông tư mới thay thế Thông tư 49/2009/TT-BNNPTNT nêu trên.

Việc ban hành Thông tư về quản lý và sử dụng nguồn vốn hỗ trợ nước ngoài trong Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn đã đưa công tác quản lý các nguồn vốn này vào nề nếp, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng, phòng chống lãng phí và thất thoát nguồn vốn quan trọng này.



II. BÀI HỌC KINH NGHIỆM TRONG THU HÚT, QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG NGUỒN VỐN VIỆN TRỢ

1. Đối với nguồn vốn ODA

Thứ nhất, nguồn ODA và vay ưu đãi của các nhà tài trợ trong thời gian qua đã được thu hút và sử dụng phù hợp với chủ trương, chính sách, chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển nông nghiệp và nông thôn kết hợp xóa đói giảm nghèo của Việt Nam.

Thứ hai, nguồn vốn ODA và vay ưu đãi của các nhà tài trợ đã bổ sung nguồn vốn đầu tư đáng kể, khoảng 60 % trong tổng vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước của Bộ trong giai đoạn 2011-2015.

Ba là, trong thời kỳ từ năm 1993 đến nay tất cả các lĩnh vực của ngành nông nghiệp đều nhận được sự hỗ trợ ODA và vốn vay ưu đãi để đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, xây dựng chính sách, phát triển thể chế và tăng cường năng lực con người; phát triển nghiên cứu và ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới và sáng tạo và đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, hỗ trợ nông dân thoát nghèo...

Bốn là, hỗ trợ phát triển thể chế và tăng cường năng lực cán bộ cho ngành nông nghiệp nói chung và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nói riêng

2. Đối với nguồn viện trợ PCPNN

Thực tế thu hút, quản lý và sử dụng viện trợ PCPNN trong những năm qua của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cho thấy mặc dù quy mô nguồn vốn không lớn song kết quả mang lại rất cụ thể và có hiệu quả cao. Đó là do viện trợ PCPNN đã phát huy được những thế mạnh vốn có của nguồn vốn này. Đó là:

- Dự án có mục đích rất cụ thể, sát với những nhu cầu cấp thiết của người dân, thường áp dụng nhiều công nghệ mới, giá thành thấp, phù hợp với nông dân nghèo, do vậy các dự án phi chính phủ được thực hiện thường mang lại hiệu quả nhanh.
- Cách tổ chức quản lý gọn, nhẹ, thủ tục đơn giản và linh hoạt nên thường nhanh chóng, trực tiếp tiếp cận với nhu cầu hỗ trợ của người dân tại cộng đồng.
- Chi phí quản lý dự án thấp, hoạt động hiệu quả cao, sử dụng nhiều cán bộ kỹ thuật trong nước và nhân công địa phương, tạo ra nhiều công ăn việc làm, tăng thu nhập cho người dân địa phương

- Khuyến khích được cộng đồng dân cư tham gia thực hiện và giám sát việc thực hiện các dự án, do vậy hiệu quả được đảm bảo và chống được thất thoát, lãng phí.
- Chú trọng phát triển nguồn nhân lực cho địa phương. Nhiều cán bộ trẻ sau khi tham gia các dự án PCPNN đã trở thành những chuyên gia có kinh nghiệm và phát huy tốt vai trò hỗ trợ tại cộng đồng.



3. Tồn tại, hạn chế trong quá trình thu hút, quản lý, sử dụng ODA và các khoản vay ưu đãi, viện trợ PCPNN

- Thiếu định hướng tổng thể về thu hút và sử dụng ODA, vay ưu đãi của các nhà tài trợ và viện trợ PCPNN để hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn.
- Năng lực tiếp nhận và sử dụng ODA còn chậm so với yêu cầu
- Trong nhiều trường hợp vốn đối ứng chưa được bố trí đầy đủ và kịp thời, nhất là các dự án thành phần do

các địa phương tham gia

- Năng lực quản lý còn yếu và thiếu tính chuyên nghiệp
- Tính đồng bộ, thống nhất và kịp thời về thông tin, dữ liệu ODA chưa cao ảnh hưởng tới hoạt động của hệ thống giám sát và đánh giá chương trình, dự án ODA, vay ưu đãi và viện trợ PCPNN

4. Những bài học kinh nghiệm

1. Phát huy vai trò làm chủ trong thu hút, quản lý và sử dụng ODA, vay ưu đãi, viện trợ PCPNN
2. Đảm bảo đủ và kịp thời vốn đối ứng mới có thể tiếp nhận và thực hiện có hiệu quả nguồn vốn tài trợ
3. Công tác điều phối các hoạt động thu hút, quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển hình thức (ODA), vay ưu đãi và viện trợ PCPNN

III. ĐỊNH HƯỚNG THU HÚT, QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG NGUỒN VỐN ODA, VAY ƯU ĐÃI VÀ VIỆN TRỢ PCPNN THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TRONG GIAI ĐOẠN 2016-2020

Trong giai đoạn mới, với bối cảnh quốc tế và trong nước nhiều biến động, để Việt Nam vượt qua bẫy thu nhập trung bình và phấn đấu đạt mục tiêu trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020 đặt ra yêu cầu huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực trong và ngoài nước, trong đó có ODA, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ và viện trợ của các Tổ chức PCPNN.

Trong lĩnh vực hợp tác phát triển, chính sách viện trợ của các đối tác phát triển cho Việt Nam đã có những thay đổi để phù hợp với bối cảnh Việt Nam đã trở thành nước thu nhập trung bình thấp, theo đó, tính chất, quy mô và các điều kiện cung cấp ODA cho Việt Nam đang thay đổi theo chiều hướng chủ yếu sau:

a) Một số nhà tài trợ song phương chuyển đổi hình thức quan hệ hợp tác phát triển chính thức với Việt Nam sang hỗ trợ trực tiếp để phát triển quan hệ hợp tác giữa các đối tác, như quan hệ trực tiếp giữa các trường đại học, các viện hoặc trung tâm nghiên cứu, hoặc giữa các tổ chức của hai bên... Một số nhà tài trợ khác có thể chấm dứt chương trình cung cấp viện trợ phát triển cho Việt Nam trong những năm tới, trong đó có các nước tài trợ Bắc Âu.

b) Hầu hết các nhà tài trợ điều chỉnh cơ cấu vốn viện trợ cho Việt Nam theo đó nguồn vốn ODA có xu hướng giảm, đồng thời vốn vay ưu đãi có chiều hướng tăng lên. Tình hình đó đòi hỏi Việt Nam phải có cách tiếp cận phù hợp để thu hút và nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn vốn này nhằm đáp ứng nhu cầu đầu tư phát triển, đồng thời phải đảm bảo khả năng trả nợ nước ngoài.

c) Các cách tiếp cận và mô hình viện trợ phát triển như tiếp cận chương trình, ngành (PBA), hỗ trợ ngân sách chung (GBS) và hỗ trợ ngân sách có mục tiêu (TBS) sẽ được áp dụng nhiều hơn; phân công lao động và hỗ trợ lẫn nhau trên cơ sở lợi thế so sánh giữa các nhà tài trợ sẽ được đẩy mạnh.

d) Khuyến khích khu vực tư nhân tham gia phát triển cơ sở hạ tầng, đặc biệt đầu tư theo hình thức đối tác công - tư (PPP); thúc đẩy sự tham gia của các tổ chức phi Chính phủ vào quá trình phát triển,...

đ) Một số nhà tài trợ cung cấp ODA và vốn vay ưu đãi thông qua các chương trình toàn cầu (HIV/AIDS, biến đổi khí hậu và nước biển dâng...), các hoạt động hợp tác khu vực trong khuôn khổ ASEAN, hợp tác tiểu vùng sông Mê-kông mở rộng (GMS),... Những xu thế này sẽ tiếp tục được tăng cường và mở rộng đối với Việt Nam trong những năm tới.



NHU CẦU VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ VÀ VIỆN TRỢ PCPNN TRONG GIAI ĐOẠN 2016-2020

Để phát triển toàn diện ngành nông nghiệp nước ta, dự kiến trong thời kỳ 2016 - 2020 tổng nhu cầu vốn đầu tư phát triển toàn ngành khoảng 515 ngàn tỷ đồng, trong đó tổng vốn đầu tư do Bộ quản lý là 97 ngàn tỷ đồng, chiếm khoảng 18,8 % so với tổng vốn đầu tư phát triển nông nghiệp và nông thôn của cả nước. Trong Bảng 3 dưới đây là các nguồn vốn đầu tư của ngân sách nhà nước do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý trong giai đoạn 2016-2020:

Bảng 3: Nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý trong giai đoạn 2016-2020

Đơn vị 1000 tỷ Đồng

Nguồn	Số lượng	Tỷ trọng (%)
1. Ngân sách nhà nước	35	39
2. Vốn ODA, vay ưu đãi	44	45
3. Trái phiếu Chính phủ	15	16
Tổng số	97	100

Theo Bảng 3 tổng vốn ODA, vay ưu đãi trong giai đoạn 2016-2020 do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý sẽ vào khoảng 44 nghìn tỷ đồng tương đương khoảng 2,2 tỷ USD, chiếm khoảng 45 % tổng vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý nhà nước. Như vậy bình quân hàng năm trong thời kỳ 2016-2020 Bộ phải giải ngân khoảng 440 triệu USD, thấp hơn một chút so với giai đoạn 5 năm 2011-2015, song vẫn chiếm tỷ lệ cao trong tổng vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý.

Trong bối cảnh nguồn hỗ trợ phát triển chính thức có xu thế giảm dần thì việc đạt được chỉ tiêu huy động vốn ODA và vay ưu đãi hàng năm như nêu ở trên cũng còn là một thách thức.

NHỮNG QUAN ĐIỂM VÀ NGUYÊN TẮC TRONG THU HÚT, QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG ODA, VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ VÀ VIỆN TRỢ PCPNN TRONG GIAI ĐOẠN 2016-2020.

Việc thu hút, quản lý và sử dụng ODA, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ và viện trợ của các Tổ chức PCPNN cần quán triệt những quan điểm sau:

- **Một là**, vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ là vốn đầu tư công quy định tại Khoản 21, Điều 4, Luật Đầu tư công, do vậy việc thu hút, quản lý và sử dụng nguồn vốn này phải tuân thủ Luật Đầu tư công để bảo đảm hiệu quả vì lợi ích chung của toàn xã hội.

- **Hai là**, vốn ODA là một trong những nguồn vốn đầu tư toàn xã hội, việc sử dụng cần được tính toán chặt chẽ và so sánh với các nguồn vốn khác theo các tiêu chí hiệu quả kinh tế - xã hội và môi trường.

- **Ba là**, sử dụng vốn vay ODA, vay ưu đãi của các nhà tài trợ phải góp phần bảo đảm an toàn nợ công.

Trong quản lý ODA, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ và viện trợ PCPNN trong giai đoạn 2016-2020 phải tuân thủ các nguyên tắc sau:

- Công tác quản lý và sử dụng các nguồn vốn ODA, vay ưu đãi và viện trợ PCPNN phải tuân thủ Luật đầu tư công, các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan của nhà nước. Tự chủ và chủ động trong thu hút, quản lý và sử dụng các nguồn vốn hỗ trợ của nước ngoài, xây dựng và phát triển quan hệ với các nhà tài trợ trên cơ sở hữu nghị, đối tác tin cậy và hiểu biết lẫn nhau.

- Việc sử dụng các nguồn vốn hỗ trợ nước ngoài phải lựa chọn và cân nhắc với các nguồn vốn khác theo tiêu chí hiệu quả và thiết thực, tập trung vào những chương trình và dự án ưu tiên phù hợp với chủ trương, chính sách thu hút và sử dụng ODA và vốn vay ưu đãi của Chính phủ; Chiến lược, Quy hoạch và Kế hoạch của Bộ về phát triển ngành và các lĩnh vực cụ thể trong từng thời kỳ.

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thống nhất quản lý nhà nước việc thu hút và sử dụng nguồn vốn hỗ trợ nước ngoài trên cơ sở phân công, phân cấp trong nội bộ của Bộ và với các cơ quan chủ quản dự án thành phần của dự án ở

do Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn là cơ quan chủ quản dự án. Đồng thời, tinh giản các quy trình và thủ tục hành chính trong Bộ liên quan đến đề xuất, thẩm định và phê duyệt chương trình, dự án ODA, vốn vay ưu đãi và các khoản viện trợ PCPNN.

- Minh bạch hóa chính sách, thể chế, quy trình và thủ tục thu hút, quản lý và sử dụng và kết quả sử dụng các nguồn vốn hỗ trợ nước ngoài trong nội bộ của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cũng như với bên ngoài.

NHỮNG CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ƯU TIÊN THU HÚT VÀ SỬ DỤNG ODA, VAY ƯU ĐÃI VÀ VIỆN TRỢ PCPNN CHO CÁC LĨNH VỰC THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN GIAI ĐOẠN 2016-2020.

Nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ và viện trợ của các Tổ chức PCPNN được ưu tiên sử dụng để phát triển nông nghiệp và nông thôn, bao gồm chuyển dịch cơ cấu và phát triển kinh tế nông nghiệp, hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn, xây dựng nông thôn mới, góp phần thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp Việt Nam của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được Thủ tướng Chính phủ thông qua tại Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 10 tháng 6 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ.

Trong giai đoạn 2016-2020, cần tập trung các nguồn vốn này để hỗ trợ thực hiện các chương trình, dự án ưu tiên trong các lĩnh vực cụ thể sau:

1. Nông nghiệp:

Các chương trình, dự án nhằm nâng cao chất lượng và sự



bền vững của tăng trưởng nông nghiệp; phát triển giống cây trồng, giống vật nuôi với năng suất, chất lượng cao và khả năng chống chịu với sâu bệnh, biến đổi thời tiết cao; giám sát, dự báo và phòng ngừa, kiểm soát sâu bệnh, dịch bệnh; điều chỉnh cơ cấu, tổ chức và nâng cao trình độ công nghệ sản xuất, nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, đầu tư công nghệ, thiết bị chế biến, bảo quản giảm tổn thất sau thu hoạch, nâng cao giá trị gia tăng và bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm; phát triển sản xuất quy mô lớn, tập trung, tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị thông qua

việc liên kết sản xuất; phát huy lợi thế vùng miền; nghiên cứu, áp dụng khoa học công nghệ, thích ứng biến đổi khí hậu; hoàn thiện cơ sở hạ tầng các vùng sản xuất tập trung, áp dụng rộng rãi công nghệ tưới tiết kiệm; hoàn thiện hệ thống thủy lợi nội đồng; tổ chức lại sản xuất theo chuỗi giá trị, mở rộng đối tác công tư PPP, đổi mới công tác xúc tiến thương mại; tăng cường hiệu lực quản lý Nhà nước; đào tạo dịch vụ công; tăng tỷ trọng đầu tư cho các vùng có lợi thế phát triển nông nghiệp hàng hóa (Đồng bằng sông Cửu Long, Đông Nam Bộ, Tây Nguyên), hỗ trợ xóa đói giảm nghèo ở vùng miền núi, vùng dân tộc thiểu số (miền núi phía Bắc, Tây Nguyên...), vùng bãi ngang ven biển và hải đảo;

2. Lâm nghiệp:

Các chương trình, dự án nâng cao chất lượng, hiệu quả, năng lực cạnh tranh; nâng cao giá trị gia tăng sản phẩm; phát triển hệ thống nghiên cứu và cung ứng các giống cây lâm nghiệp chất lượng cao; nâng cao chất lượng rừng; xây dựng công nghiệp chế biến gỗ thành ngành sản xuất có công nghệ tiên tiến, hiện đại, đồng bộ; xây dựng và nhân rộng mô hình quản lý rừng bền vững và phát triển dịch vụ môi trường rừng; phát triển khoa học công nghệ, đào tạo nhân lực; hình thành các mô hình liên kết theo chuỗi, gắn sản xuất nguyên liệu hợp pháp với chế biến; đầu tư cơ sở hạ tầng, nhất là hệ thống thông tin thị trường trong nước và thế giới; hỗ trợ tiếp thị, quảng bá, phát triển thị trường



và chuyển giao công nghệ và hài hòa hóa các quy định thương mại quốc tế; tăng cường năng lực cho lực lượng kiểm lâm, tăng cường năng lực dự báo và phòng cháy, chữa cháy rừng, đầu tư phát triển mô hình quản lý lâm nghiệp cộng đồng và phát triển dịch vụ môi trường rừng, cơ sở hạ tầng, vườn quốc gia.

3. Thủy lợi:

Các chương trình, dự án: xây dựng các công trình đa chức năng phục vụ nuôi trồng thủy sản, tưới tiêu nhiều loại cây trồng, cung cấp nước cho dân sinh và sản xuất công nghiệp; các công trình thủy lợi đầu mối, các dự án trọng điểm có ý nghĩa quyết định phát triển nông nghiệp, nông thôn của vùng; củng cố, phát triển thủy lợi nội đồng, gắn với xây dựng nông thôn mới; củng cố các tổ chức quản lý khai thác công trình thủy lợi; phát triển một nền nông nghiệp chủ động tưới, tiêu theo hướng hiện đại, đẩy mạnh trên diện rộng các giải pháp tưới tiên tiến, tiết kiệm nước



cho các cây trồng cạn chủ lực; phát triển hạ tầng thủy lợi phục vụ vùng thâm canh nuôi trồng thủy sản với đối tượng nuôi chủ lực ở đồng bằng sông Cửu Long, các khu vực ven biển Trung Bộ; đầu tư hệ thống đê điều, các dự án an toàn hồ chứa; đầu tư các công trình duy tu bảo dưỡng công trình sau đầu tư; xây dựng hồ chứa nước ở khu vực bị ảnh hưởng bởi hạn hán, phát triển thủy lợi nhỏ kết hợp với thủy điện ở khu vực miền núi; các dự án hỗ trợ công nghệ, dịch vụ tư vấn về phương pháp tiết kiệm nước, nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác công trình thủy lợi; đổi mới công tác quy hoạch, quy hoạch thủy lợi gắn chặt với tái cơ cấu ngành nông nghiệp, áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ thủy lợi và tổ chức lại sản xuất trong nông nghiệp; hoàn thiện thể chế, chính sách; đổi mới công tác quản lý nhà nước, quản lý khai thác các công trình thủy lợi; củng cố, đổi mới, phát triển bền vững tổ chức thủy nông cơ sở; khuyến khích các dự án đầu tư công- tư; đổi mới khoa học công nghệ, nghiên cứu tích hợp thiết bị, tăng cường năng

lực dự báo, cảnh báo mưa lũ, hạn, mặn, nghiên cứu chế độ thủy văn, dòng chảy...

4. Thủy sản:

Đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng cho nuôi trồng thủy sản tập trung, phát triển hạ tầng và công nghệ giống thủy sản; hệ thống cảnh báo và giám sát môi trường nuôi trồng



thủy sản và vùng ven bờ; xây dựng hệ thống quản lý dịch bệnh và thú y thủy sản, tổ chức sản xuất nuôi trồng thủy sản theo chuỗi liên kết ngang và dọc; nuôi trồng thủy sản đảm bảo môi trường, an toàn thực phẩm và thích ứng với biến đổi khí hậu; Đầu tư xây dựng và nâng cấp các cảng cá, bến cá và chợ cá, các khu neo đậu tránh trú bão cho tàu thuyền; hệ thống quản lý và giám sát tàu cá dựa trên công nghệ vệ tinh, hiện đại hóa và nâng cao công nghệ khai thác hải sản tăng cường hiệu quả và tính bền vững, hỗ trợ phát triển các phương thức quản lý khai thác bền vững và bảo vệ nguồn lợi thủy sản ven bờ; nâng cao công nghệ bảo quản sau thu hoạch nhằm giảm tổn thất và nâng cao giá trị sản phẩm, phát triển các phương thức đồng quản lý nghề cá ven bờ, tạo sinh kế bền vững, cải thiện và nâng cao đời sống của ngư dân, các hộ sản xuất nhỏ, ứng phó với biến đổi khí hậu.

5. Cấp nước sạch, vệ sinh môi trường nông thôn, phát triển nông thôn:

- Các chương trình, dự án góp phần thực hiện Chiến lược



Quốc gia cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn đến năm 2020 (Quyết định số 104/2000/QĐ-TTg ngày 25/8/2000) và Chương trình Mục tiêu Quốc gia giai đoạn 3: 2012-2015 (tại Quyết định số 366/QĐ-TTg ngày 31/3/2012).

- Các chương trình, dự án góp phần thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020.

6. Ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống, giảm nhẹ thiên tai và giảm phát thải nhà kính trong nông nghiệp:

Các chương trình/ dự án đa mục tiêu kết hợp phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản thích ứng với biến đổi khí hậu; nâng cao năng lực phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu; các dự án kiểm soát lũ, chống ngập úng tại các đô thị lớn; bảo đảm an toàn phòng chống thiên tai, bão, lũ, lụt, an toàn hồ đập; chủ động phòng chống, né tránh hoặc thích nghi để giảm thiểu tổn thất, bảo vệ an toàn cho dân cư, đảm bảo ổn định và phát triển sản xuất trong điều kiện biến đổi khí hậu và nước biển dâng.



- Các chương trình dự án góp phần thực hiện kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu của ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn giai đoạn 2011-2015 và tầm nhìn đến 2050 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

- Các chương trình, dự án nhằm thực hiện Quyết định số 172/2007/QĐ-TTg ngày 16/11/2007 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược Quốc gia về phòng chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020.

- Các chương trình/dự án góp phần thực hiện để án giảm phát thải khí nhà kính trong nông nghiệp, nông thôn đến năm 2020 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

7. Khoa học, công nghệ, đào tạo, phát triển thị trường và khuyến nông:

Các chương trình, dự án: đổi mới công tác quản lý khoa học, công nghệ; xây dựng và tăng cường năng lực các viện



nghiên cứu, các cơ sở đào tạo nhân lực, hệ thống thông tin thị trường và dự báo; huy động sự tham gia của tất cả các thành phần kinh tế, đặc biệt các doanh nghiệp ngoài nhà nước vào các hoạt động khoa học công nghệ, đào tạo và các dịch vụ nông nghiệp khác; tăng cường đầu tư cho khoa học công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực và khuyến nông; hoàn thiện hệ thống giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động nghiên cứu, chuyển giao khoa học công nghệ và đào tạo nguồn nhân lực; hỗ trợ hình thành các trung tâm khoa học với số lượng lớn các cơ quan nghiên cứu, cán bộ khoa học tại các vùng trọng điểm về sản xuất nông nghiệp; hỗ trợ tiếp thị, quảng bá, phát triển thị trường và chuyển giao công nghệ; các hoạt động tuyên thông, đào tạo, huấn luyện khuyến nông, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, nâng cao trình độ sản xuất cho nông dân; phân cấp mạnh mẽ hoạt động khuyến nông cho các tổ chức nông dân và doanh nghiệp; hỗ trợ nông dân kết nối, tiếp cận với dịch vụ nghiên cứu, chuyển giao và áp dụng tiến bộ kỹ thuật; mở rộng các hình thức đào tạo nghề gắn với chuyển giao tiến bộ kỹ thuật và công nghệ mới; nhân rộng các mô hình tốt trong đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

8. Xây dựng chính sách:

Hỗ trợ thực hiện Chương trình xây dựng văn bản chính sách của Bộ về những lĩnh vực thuộc chức năng quản lý nhà nước ngành nông nghiệp, cũng như đáp ứng những yêu cầu xây dựng mới và hoàn thiện chính sách phát sinh từ thực tế.

Tiếp tục sửa đổi, hoàn thiện hệ thống chính sách hỗ trợ và tạo động lực cho sản xuất nông nghiệp.

Hỗ trợ hoàn thiện cơ sở pháp lý cho Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

9. Phát triển thể chế:

Các chương trình, dự án: hỗ trợ đổi mới doanh nghiệp nhà nước (các nông, lâm trường quốc doanh, công ty lâm nghiệp...); nghiên cứu áp dụng các mô hình phù hợp đối với các doanh nghiệp nhà nước đã chuyển đổi trong các lĩnh vực như thủy lợi, chế biến nông sản; tăng cường năng lực cho kinh tế hợp tác xã; đổi mới hệ thống tổ chức và cơ

chế hoạt động của các tổ chức nghiên cứu khoa học, công nghệ và đào tạo, các Trung tâm nghiên cứu khoa học hoạt động tại các vùng trọng điểm về sản xuất nông nghiệp; đẩy mạnh cải cách hành chính trong ngành nông nghiệp; tăng cường năng lực hệ thống kiểm tra, kiểm nghiệm chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm đối với các loại vật tư và sản phẩm nông nghiệp; tăng cường năng lực hệ thống thanh tra chuyên ngành của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

10. Hỗ trợ sự tham gia rộng rãi của các bên trong phát triển nông nghiệp và nông thôn:

Khuyến khích sử dụng nguồn vốn ODA, vay ưu đãi để hỗ

trợ khu vực tư nhân, các tổ chức xã hội và các nhóm kinh tế tự nguyện tham gia cung cấp dịch vụ công và phát triển hình thức đầu tư đối tác công - tư (PPP) để thực hiện Danh mục dự án PPP do Bộ ban hành. Tạo môi trường thuận lợi và khuyến khích sự tham gia của các Tổ chức PCPNN trong việc thực hiện các dự án phát triển ưu tiên trong các lĩnh vực nông nghiệp.

Trong quá trình thực hiện Đề án ODA 2016-2020, căn cứ vào tình hình thực tế, các lĩnh vực ưu tiên sử dụng nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ và viện trợ của các Tổ chức PCPNN nêu trên sẽ được cập nhật và có thể được bổ sung và sửa đổi.

ĐỊNH HƯỚNG THU HÚT CÁC NHÀ TÀI TRỢ VÀ SỬ DỤNG CÁC LOẠI VỐN TÀI TRỢ TRONG GIAI ĐOẠN 2016-2020.

Định hướng thu hút nguồn vốn ODA, vay ưu đãi của các nhà tài trợ.

Đối với các nhà tài trợ tiềm năng về quy mô nguồn vốn và có sự quan tâm tới các chương trình và dự án hỗ trợ phát triển nông nghiệp và nông thôn Việt Nam. Hỗ trợ phát triển nông nghiệp kết hợp xóa đói, giảm nghèo, nâng cao năng lực cạnh tranh của ngành nông nghiệp Việt Nam tiếp tục được duy trì như một lĩnh vực ưu tiên trong chính sách hợp tác phát triển với Việt Nam trong 5 năm tới của các nhà tài trợ này.

Nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nêu trên cần tập trung hỗ trợ thực hiện các các chương trình, dự án phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội nông nghiệp với quy mô lớn, mang lại giá trị gia tăng, các chuỗi giá trị đối với ngành và vùng lãnh thổ nơi sản xuất nông nghiệp tập trung quy mô lớn; thúc đẩy sự tham gia của tư nhân vào phát triển nông nghiệp, nông thôn, phát triển cơ sở hạ tầng, kể cả thông qua đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP).

- Đối với các nhà tài trợ khác với quy mô nguồn vốn không lớn, chủ yếu viện trợ không hoàn lại cần khuyến khích họ tham gia đồng tài trợ với các nhà tài trợ cung cấp vốn vay để tài trợ cho các hạng mục "mềm" (chính sách, thể chế, đào tạo, cung cấp chuyên gia tư vấn quốc tế) của dự án vốn vay, góp phần giảm vốn vay đối với Việt Nam; hỗ trợ xây dựng chính sách, phát triển thể chế, đào tạo tăng cường năng lực con người; chuyển giao công nghệ và nghiên cứu triển khai và sáng tạo.

- Đối với một số nhà tài trợ có kế hoạch chấm dứt chương trình hợp tác phát triển với Việt Nam và chuyển đổi sang hình thức hỗ trợ phát triển gián tiếp, cần tạo điều kiện và hỗ trợ các trường, viện, trung tâm và các tổ chức và hội nghề nghiệp trực thuộc Bộ phát triển quan hệ hợp

tác trực tiếp với các đối tác của nhà tài trợ để tranh thủ nguồn lực hỗ trợ công tác nghiên cứu triển khai, đổi mới và sáng tạo, chuyển công nghệ, phát triển năng lực con người cho ngành Nông nghiệp Việt Nam.

- Một số nhà tài trợ mới nổi khác như Nga, một số nước Đông Âu, Ấn - độ, Brazil Trung Quốc... cũng dành cho Việt Nam một số khoản viện trợ, tuy còn khiêm tốn, song ta có thể tranh thủ nghệ tiên tiến, học hỏi kinh nghiệm và kiên thúc phát triển và nông thôn phù hợp với thực tế Việt Nam, cũng như và đào tạo nguồn nhân lực cho ngành Nông nghiệp nước ta.

- Trong khung khổ cam kết Bu-san về hiệu quả viện trợ, các nhà tài trợ cam kết thúc đẩy hợp tác ba bên, nhất là với các nước châu Phi. Việt Nam có nhiều kinh nghiệm về phát triển nông nghiệp, nhất là bảo đảm an ninh lương thực và xóa đói, giảm nghèo ở nông thôn, song thiếu nguồn vốn để chuyển giao những kiến thức và kinh nghiệm phát triển nông nghiệp thông qua các dự án phát triển ở nước thứ ba. Cần đẩy mạnh hợp tác với các nhà tài trợ để xây dựng và thực hiện các chương trình, dự án phát triển ở các nước thứ ba theo hình thức hợp tác ba bên với chuyên gia Việt Nam cộng với nguồn vốn của các nhà tài trợ để hỗ trợ nước thứ ba, Những chương trình và dự án hợp tác ba bên còn có tác dụng mở đường phát triển đầu tư và thương mại của nước ta với các nước đang phát triển, nhất là các nước châu Phi.

- Các nhà tài trợ có xu hướng tài trợ thông qua các Quỹ toàn cầu. Do vậy việc khai thác nguồn lực từ các Quỹ này sẽ hỗ trợ bù đắp sự giảm sút nguồn vốn ODA của các nhà tài trợ truyền thống trong nhiều lĩnh vực khác nhau của ngành nông nghiệp.

Định hướng thu hút tài trợ của các Tổ chức PCPNN

Định hướng viện trợ của các Tổ chức PCPNN để khỏa lấp các vùng lõm mà chính sách chung của Chính phủ chưa phủ đầy được, do vậy cần hợp tác chặt chẽ và tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa cho hoạt động của các Tổ chức này nhằm tranh thủ tối đa nguồn lực cho công tác xóa đói giảm nghèo ở các vùng nông thôn, miền núi, hỗ trợ giảm nhẹ thảm họa thiên tai; cải thiện sinh kế bền vững tại cộng đồng; khuyến khích các Tổ chức PCPNN tham gia các dự án phát triển trong lĩnh vực phục vụ cho việc thực hiện

Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp, An ninh lương thực và xóa đói giảm nghèo, Chương trình xây dựng nông thôn mới; ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh; Phát triển mạng lưới khuyến nông, khuyến ngư; Hỗ trợ nuôi trồng thủy sản quy mô nhỏ, quản lý môi trường, dịch bệnh thủy sản; Hạ tầng cơ sở nông thôn; Phòng, chống và kiểm soát dịch bệnh trên gia súc, gia cầm; Chuyển giao khoa học và công nghệ, kiến thức và kinh nghiệm phát triển nông nghiệp và nông thôn.

Định hướng sử dụng các loại vốn của các nhà tài trợ

Là nước thu nhập trung bình thấp, Việt Nam hiện đang ở giai đoạn sử dụng đan xen giữa những loại vốn tài trợ khác nhau, bao gồm các loại vốn ODA vốn ODA khác nhau về các điều kiện ưu đãi tài chính khác nhau (viện trợ không hoàn lại, vốn vay ODA với lãi suất thấp, thời gian trả nợ và thời gian ân hạn dài; vốn vay ưu đãi với lãi suất cao hơn, thời gian trả nợ và thời gian ân hạn ngắn hơn). Trong xu

thế chung tổng nguồn vốn ODA có xu thế giảm, trong đó viện trợ không hoàn lại giảm mạnh, vốn vay ODA giảm dần và vốn vay ưu đãi tăng dần, điều quan trọng cần lựa chọn những loại vốn tài trợ phù hợp cho từng loại chương trình, dự án vừa đáp ứng được nhu cầu nguồn vốn đầu tư phát triển, vừa góp phần trực tiếp hoặc gián tiếp bảo đảm an toàn nợ công.

Bảng 4: Định hướng sử dụng các loại vốn ODA, vốn vay ưu đãi và viện trợ PCPNN trong thời kỳ 2016-2020

Loại vốn	Trọng tâm
1. ODA vốn vay	Tập trung vào các lĩnh vực không có nguồn thu hoặc nguồn thu thấp trong thời gian dài như cơ sở hạ tầng nông nghiệp, nông thôn
2. Vay vay lãi	Tập trung vào các lĩnh vực có thể đem lại nguồn thu thông qua việc cung cấp các dịch vụ công hoặc sản xuất kinh doanh
3. ODA không hoàn lại	Tập trung vào hỗ trợ kỹ thuật, phát triển khoa học công nghệ và xây dựng các tiêu chuẩn quy chuẩn cho một số lĩnh vực, xây dựng chính sách, phát triển thể chế trong các lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của Bộ nông Nghiệp và Phát triển nông thôn và tăng cường năng lực con người cho Bộ.
4. Viện trợ PCPNN (Không hoàn lại)	Tập trung vào hỗ trợ khẩn cấp, dự án phát triển với sự vận dụng linh hoạt trong các lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của Bộ, đặc biệt lĩnh vực xóa đói giảm nghèo bền vững.

HỆ THỐNG CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN ĐỀ ÁN ODA 2016-2020

Để bảo đảm thực hiện Đề án 2016 - 2020, Bộ chỉ đạo thực hiện các giải pháp sau:

1. Nhóm các giải pháp đẩy mạnh hoạt động vận động và thu hút ODA, vay ưu đãi và viện trợ PCPNN

1.1 Tăng cường công tác truyền thông chủ trương, chính sách và những lĩnh vực, chương trình và dự án ưu tiên thu hút và sử dụng ODA, vay ưu đãi và viện trợ PCPNN để tranh thủ hỗ trợ quốc tế phục vụ sự nghiệp phát triển nông nghiệp và nông thôn trong thời kỳ

2016-2020

1.2 Đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả các diễn đàn đối thoại chính sách, thể chế và phối hợp trong khuôn khổ Chương trình hỗ trợ Quốc tế (ISG) để gắn kết các đơn vị, cơ quan của Bộ với các tổ chức tương ứng của các nhà tài trợ và kêu gọi các nhà tài trợ tập trung hỗ trợ theo các ưu tiên phát triển của ngành.

1.3. Tăng cường phối hợp với Bộ ngoại giao, các Cơ quan đại diện của Việt Nam tại nước ngoài để tìm hiểu

chính sách và vận động thu hút các nguồn tài trợ cho ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.

2. Nhóm các giải pháp cải thiện tình hình chuẩn bị và thực hiện chương trình, dự án nhằm nâng cao chất lượng, thực hiện đúng tiến độ và thúc đẩy giải ngân vốn ODA, vốn vay ưu đãi và viện trợ PCPNN.

2.1 Lồng ghép các chương trình, dự án ODA, vay ưu đãi vào Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020 để đảm bảo cân đối đủ và kịp thời vốn đối ứng cho các chương trình, dự án này.

2.2 Xây dựng Chương trình của Bộ về đào tạo và xây dựng năng lực chuẩn bị và quản lý thực hiện chương trình, dự án theo hướng chuyên nghiệp và bền vững

2.3 Xây dựng và thực hiện Kế hoạch thường niên đào tạo nâng cao năng lực quản lý dự án cho các cơ quan và đơn vị trong Bộ

3. Công khai, minh bạch và đề cao trách nhiệm giải trình,

phòng chống tham nhũng trong quản lý và sử dụng ODA, vay ưu đãi và viện trợ PCPNN

3.1 Nâng cao chất lượng thông tin, dữ liệu về ODA và viện trợ PCPNN của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3.2 Công khai hóa quy trình và thủ tục quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ nước ngoài của Bộ, Phối hợp với nhà tài trợ trong việc chia sẻ thông tin về chính sách, những lĩnh vực, địa bàn ưu tiên, điều kiện cung cấp nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi dành cho ngành nông nghiệp và nông thôn Việt Nam.

3.3 Cung cấp thông tin cập nhật về ODA, vốn vay ưu đãi và những kết quả sử dụng các nguồn vốn này trên công thông tin điện tử của Bộ và trên các trang mạng của các cơ quan, đơn vị có liên quan trong Bộ.

3.4 Xây dựng và thực hiện kế hoạch hàng năm về giám sát và đánh giá tác động các chương trình và dự án ODA.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ ÁN ODA 2016-2020

1. Tuyên truyền, quán triệt và thực hiện Đề án 2016 - 2020

a) Vụ Hợp tác Quốc tế triển khai các hoạt động tuyên truyền về nội dung của Đề án 2016- 2020 cho các cơ quan, đơn vị trong Bộ, các nhà tài trợ và dư luận xã hội rộng rãi và hướng dẫn các cơ quan, đơn vị trong bộ thực hiện Đề án này.

b) Các cơ quan, đơn vị của Bộ, ngành và các cơ quan khác và địa phương tham gia các dự án do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan chủ quản dự án cần quán triệt tinh thần, nguyên tắc, những định hướng ưu tiên thu hút và sử dụng nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi, viện trợ PCPNN để vận dụng trong xây dựng và thực hiện các chương trình, dự án cho thời kỳ 2016-2020, lồng ghép với việc thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn của cơ quan, đơn vị mình, đồng thời dựa vào Đề án này để tiến hành công tác vận động vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ và viện trợ PCPNN.

c) Các cơ quan, đơn vị của Bộ trong phạm vi chức năng của mình thực hiện các nhiệm vụ được phân công trong Kế hoạch hành động thực hiện Đề án ban hành kèm theo Đề án này.

2. Giám sát và đánh giá tình hình thực hiện Đề án 2016-2020



a) Các cơ quan, đơn vị của Bộ báo cáo tình hình và kết quả thực hiện Đề án 2016-2020 trong các báo cáo 6 tháng và hàng năm về quản lý và sử dụng nguồn vốn ODA và các khoản vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ, viện trợ PCPNN của cơ quan, đơn vị mình, bao gồm các đề xuất và khuyến nghị để Bộ có giải pháp kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện Đề án.

b) Vụ Hợp tác Quốc tế định kỳ 6 tháng và hàng năm báo cáo Bộ trưởng về tình hình và kết quả thực hiện Đề án 2016- 2020, lập và trình Bộ trưởng báo cáo đánh giá giữa kỳ và đánh giá kết thúc kết quả thực hiện Đề án này./.

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG THỰC HIỆN ĐỀ ÁN ODA 2016-2020

Định hướng thu hút, quản lý và sử dụng nguồn vốn ODA, các nguồn vốn vay ưu đãi khác của nhà tài trợ và viện trợ PCPNN thuộc thẩm quyền nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giai đoạn 2016 – 2020

Giải pháp	Hành động	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời hạn	Chỉ số theo dõi
1. <i>Đẩy mạnh các hoạt động vận động và thu hút ODA, vay ưu đãi và viện trợ PCPNN</i>	1.1 Cung cấp và giới thiệu với các nhà tài trợ và các tổ chức PCPNN Đề án ODA 2016-2020 .	Vụ HTQT	Các cơ quan, đơn vị có liên quan của Bộ	Quý I-2015	Thu hút sự quan tâm và định hướng ODA và vay ưu đãi của các nhà tài trợ và viện trợ PCPNN vào các lĩnh vực ưu tiên của Bộ.
	1.2 Xây dựng văn kiện “Thỏa thuận đối tác về hỗ trợ phát triển nông nghiệp và nông thôn thời kỳ 2016-2020” với các nhà tài trợ quan tâm	Vụ HTQT	Các cơ quan, đơn vị có liên quan và các nhà tài trợ thành viên Nhóm ISG	6-2015	Thỏa thuận được phê duyệt bằng Quyết định của Bộ trưởng
2. <i>Cải thiện tình hình chuẩn bị và thực hiện chương trình, dự án nhằm nâng cao chất lượng, thực hiện đúng tiến độ và thúc đẩy giải nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi và viện trợ PCPNN..</i>	2.1 Đưa các chương trình và dự án ODA của Bộ vào kế hoạch đầu tư công trung hạn thời kỳ 2016-2020	Vụ Kế hoạch	Các cơ quan, đơn vị có liên quan của Bộ và nhà tài trợ	Theo lịch xây dựng Kế hoạch đầu tư công trung hạn thời kỳ 2016-2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn được Bộ phê duyệt
	2 Xây dựng Chương trình đào tạo và xây dựng năng lực QLDA thời kỳ 2016-2020	Vụ Tổ chức cán bộ	Các cơ quan , đơn vị có liên quan của Bộ	6/2015.	Chương trình đào tạo và xây dựng năng lực QLDA thời kỳ 2016-2020 được Bộ phê duyệt
	2.3 Xây dựng Kế hoạch thường niên về đào tạo và xây dựng năng lực QLDA	Vụ Tổ chức cán bộ	Các cơ quan , đơn vị có liên quan của Bộ	Theo lịch xây dựng kế hoạch hàng năm của Bộ.	Kế hoạch đào tạo QLDA hàng năm được Bộ phê duyệt

Giải pháp	Hành động	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời hạn	Chỉ số theo dõi
3. Công khai, minh bạch và đề cao trách nhiệm giải trình phòng chống tham nhũng trong quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ nước ngoài.	3.1 Hoàn thiện hệ thống thông tin, dữ liệu về ODA, vay ưu đãi và viện trợ PCPNN.	Vụ HTQT	Các đơn vị có liên quan trong Bộ và các Ban QLDA.	Quý I/2015	Hệ thống thông tin, dữ liệu về ODA, vay ưu đãi và viện trợ PCONN được đưa vào sử dụng.
	Công bố trên cổng thông tin điện tử của Bộ Thông tư quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ nước ngoài của Bộ và các thông tin về chính sách, quy trình và thủ tục cung cấp ODA, vay ưu đãi và viện trợ PCPNN của các nhà tài trợ hỗ trợ nông nghiệp và nông thôn Việt Nam	Vụ HTQT	Các cơ quan, đơn vị có liên quan và các nhà tài trợ	Trong năm 2015	Thông tin về quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ nước ngoài của Bộ, chính sách và quy trình, thủ tục viện trợ của các nhà tài trợ được chia sẻ rộng rãi
	3.3 Xây dựng kế hoạch thường niên đánh giá sau dự án đối với một số chương trình và dự án ODA, vay ưu đãi của Bộ	Vụ HTQT	Các cơ quan, đơn vị có liên quan trong Bộ và các nhà tài trợ	Theo lịch xây dựng kế và tổng hợp kế hoạch hàng năm của Bộ	Báo cáo kết quả đánh giá sau dự án được chia sẻ rộng rãi trong Bộ, các cơ quan có liên quan khác và các nhà tài trợ trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Lời cảm ơn

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn Vụ Hợp tác Quốc tế Bộ Nông nghiệp và PTNT, các chuyên gia tư vấn các cơ quan liên quan khác đã tạo điều kiện và hỗ trợ kỹ thuật để thực hiện Tóm lược chính sách này.

Tài liệu tham khảo: Đề án ODA 2016-2020 về: Định hướng thu hút, quản lý và sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) (viện trợ không hoàn lại và vốn vay ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ song phương và đa phương và viện trợ của các Tổ chức phi Chính phủ nước ngoài (PCPNN) để hỗ trợ phát triển các lĩnh vực của ngành nông nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý Nhà nước của Bộ Nông nghiệp và PTNT giai đoạn 2016-2020 theo Quyết định số 5776/QĐ-BNN-HTQT ngày 31/12/2014.